

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2018
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang;

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân;

Ông Đỗ Quang Chung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Nam Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2017/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số nhà 4 Tập thể công trường 75, phường N, thành phố, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Trọng T, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Vụ Bản, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định

Cư trú tại: số nhà 4 Tập thể công trường 75, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa có mặt chị Trần Thị Kim N. Anh Phạm Trọng T vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tháng 12-2004 tại Ủy ban nhân dân phường xã Lộc An, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Phương Anh, sinh ngày 07-8-2007 và Phạm Trọng Tú, sinh ngày 05-10-2009. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Quan điểm của chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2017 bị đơn là anh Phạm Trọng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian, và địa điểm kết hôn anh T thống nhất như chị N trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T trình bày: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị N tính tình cương trực nên xảy ra việc chị làm đơn ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh T không có quan điểm về việc nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị của cháu Phạm Phương Anh, sinh ngày 07-8-2007 và Phạm Trọng Tú, sinh ngày 05-10-2009 ngày hai cháu đều có quan điểm muốn ở với mẹ là chị Trần Thị Kim N.

Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 11 năm 2017 địa phương cung cấp: Anh T và chị N hiện đang sinh sống tại số nhà 4 Tập thể công trường 75, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị N và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con Phạm Phương Anh, sinh ngày 07-8-2007 và Phạm Trọng Tú, sinh ngày 05-10-2009 cho chị N

trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chấp nhận yêu cầu của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Trọng T. Tại phiên tòa anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 12-2004 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc An, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn: Vợ chồng chị N và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập nhưng anh T không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N và xử ly hôn giữa chị N và anh T.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Phương Anh, sinh ngày 07-8-2007 và Phạm Trọng Tú, sinh ngày 05-10-2009 Chị N có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại hai cháu Tú và Phương Anh đang ở cùng với chị N và đều có nguyện vọng muốn ở với chị N. Bị đơn là anh Phạm Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, nên anh T không có quan điểm về việc giao nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận yêu cầu của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014.

[4] *Về tài sản chung và công nợ*: Chị N xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Trọng T.

2. Về con chung:

Giao cả hai con Phạm Phương Anh, sinh ngày 07-8-2007 và Phạm Trọng Tú, sinh ngày 05-10-2009 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Trọng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Ngân đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000632 ngày 17-10-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã L + phường N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Bang

